

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH HẢI  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2025

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Võ Thị Thơ;

2. Bà Trần Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Thuận M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà và ông Võ Thuận M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do ông M không chịu làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên ăn nhậu. Hiện nay hai vợ chồng bà vẫn còn sống chung với nhau nhưng không có tiếng nói chung, không ai còn quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Thuận M.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là cháu Võ Thị Thùy D, sinh năm 1994; Võ Thị N, sinh năm 1997 và Võ Thuận T1, sinh năm 2008. Do các con là D và N đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Hiện nay bà làm nghề buôn bán, thu nhập khoảng 10.000.000đ, đủ điều kiện để nuôi con nên bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Võ Thuận M:* Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải phát biểu:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con chung. Cho bà T ly hôn với ông M; giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

*[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Võ Thuận M. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn:* Bị đơn ông Võ Thuận M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

*[2.1] Về tranh chấp hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thuận M kết

hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 26/9/1997 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên từ năm 2017 đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do ông M không chịu làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên ăn nhậu. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Lời trình bày của bà T về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nơi bà T và ông M đang cư trú.

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông M không đến Tòa án để làm việc, hoà giải, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà T, điều này chứng tỏ ông M có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng bà T ông M có 03 con chung là cháu Võ Thị Thùy D, sinh năm 1994; Võ Thị N, sinh năm 1997 và Võ Thuận T1 sinh ngày 22/10/2008. Cháu D và cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1.

Xét thấy bà T là người có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đảm bảo các điều kiện để nuôi con. Bên cạnh đó, cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ và ông M cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của bà T, giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

[2.3] *Tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Thuận M.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Võ Thuận T1, sinh ngày 22/10/2008. Ông Võ Thuận M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Ph,
- ( GCNKH số: 39, ngày 26/9/1997);
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Đinh Thị Thành**